

Số: 337 /2019/WSB

Cần Thơ, ngày 10 tháng 8 năm 2019

(Công bố thông tin Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên 2019)

Kính gửi: **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC;
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI.**

1. Tên Công ty: Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
2. Mã chứng khoán: WSB
3. Địa chỉ trụ sở: KCN Trà Nóc, P. Trà Nóc, Q. Bình Thủy, Tp. Cần Thơ, Việt Nam
4. Điện thoại: 02923 843 333 Fax: 02923 843 222
5. Người thực hiện Công bố thông tin: Lê Đăng Khoa
6. Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

1. Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây công bố thông tin Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên 2019 đã soát xét bởi Công ty TNHH KPMG. Nội dung báo cáo bao gồm:

- + Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ;
- + Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất giữa niên độ;
- + Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- + Thuyết minh báo cáo tài chính.

2. Giải trình chênh lệch tăng lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2019 so với 6 tháng đầu năm 2018 (cùng kỳ năm trước) do:

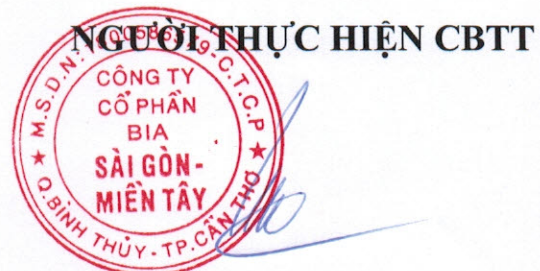
- + Lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh chính tăng do sản lượng tiêu thụ tăng.

Địa chỉ đăng tải nội dung báo cáo: www.wsb-sabeco.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HC.



Lê Đăng Khoa



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
và công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số**

5703000144
1800586579

ngày 13 tháng 4 năm 2005
ngày 18 tháng 4 năm 2019

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 1800586579 ngày 18 tháng 4 năm 2019. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thành Nam
Ông Trần Nguyên Trung
Ông Phạm Đình Hùng
Ông Nguyễn Văn Đồi
Bà Nguyễn Thị Kim Cúc

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
(từ ngày 29 tháng 3 năm 2019)
Thành viên
(đến ngày 29 tháng 3 năm 2019)

Bà Nguyễn Thị Hoàng Lan

Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Loan Anh
Ông Đoàn Tiến Dũng
Ông Nguyễn Văn Doanh

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Đăng Khoa
Ông Phạm Minh Quân
Ông Nguyễn Đức Tuấn

Giám đốc
Phó Giám đốc
Phó Giám đốc

**Người đại diện
theo pháp luật**

Ông Nguyễn Thành Nam
Ông Lê Đăng Khoa (từ ngày 18 tháng 4 năm 2019)

Trụ sở đăng ký

Khu Công nghiệp Trà Nóc
Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy
Thành phố Cần Thơ
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con **Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty và công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”) cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 38 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Nhóm Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Lê Đăng Khoa
Giám đốc

Thành phố Cần Thơ, ngày 5 tháng 8 năm 2019



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây (“Công ty”) và công ty con, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 5 tháng 8 năm 2019, được trình bày từ trang 5 đến trang 38.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 19-01-00251-19-2



Hà Vũ Định

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0414-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 8 năm 2019

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 01a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		169.204.717.463	140.760.080.886
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	80.960.382.085	23.671.505.612
Tiền	111		310.382.085	7.871.505.612
Các khoản tương đương tiền	112		80.650.000.000	15.800.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		24.675.488.573	42.441.796.683
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	17.207.186.684	38.965.314.474
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.473.487.272	3.281.399.701
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	3.994.814.617	195.082.508
Hàng tồn kho	140	9	62.250.833.031	73.373.095.456
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.318.013.774	1.273.683.135
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.318.013.774	1.273.683.135

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		662.735.063.767	692.109.578.076
Các khoản phải thu dài hạn	210		3.000.000	3.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		3.000.000	3.000.000
Tài sản cố định	220		579.265.219.304	617.081.268.950
Tài sản cố định hữu hình	221	10	579.265.219.304	617.081.268.950
<i>Nguyên giá</i>	222		959.444.535.337	969.209.402.973
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(380.179.316.033)	(352.128.134.023)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		73.881.710	73.881.710
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(73.881.710)	(73.881.710)
Bất động sản đầu tư	230	11	6.595.975.362	-
<i>Nguyên giá</i>	231		12.588.185.818	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(5.992.210.456)	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		3.036.505.770	-
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	3.036.505.770	-
Đầu tư tài chính dài hạn	250	13	52.803.192.128	54.774.979.499
Đầu tư vào công ty liên kết	252		37.426.999.528	39.488.724.099
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		16.135.902.200	16.135.902.200
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(759.709.600)	(849.646.800)
Tài sản dài hạn khác	260		21.031.171.203	20.250.329.627
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	21.031.171.203	20.250.329.627
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		831.939.781.230	832.869.658.962

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này


Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		237.750.343.820	303.538.032.645
Nợ ngắn hạn	310		230.930.164.199	296.354.903.574
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	18.189.941.590	23.753.834.120
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.543.100	-
Thuế phải nộp Nhà nước	313	16	96.306.955.529	96.666.025.949
Phải trả người lao động	314		9.171.772.061	12.633.310.178
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		6.909.586.761	2.390.265.863
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	9.286.403.779	34.804.881.854
Vay ngắn hạn	320	18	75.606.684.414	108.982.967.784
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	15.456.276.965	17.123.617.826
Nợ dài hạn	330		6.820.179.621	7.183.129.071
Phải trả dài hạn khác	337		212.000.000	240.000.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342	20	6.608.179.621	6.943.129.071
Vốn chủ sở hữu (400 = 410)	400		594.189.437.410	529.331.626.317
Vốn chủ sở hữu	410	21	594.189.437.410	529.331.626.317
Vốn cổ phần	411	22	145.000.000.000	145.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		145.000.000.000	145.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		219.010.945.308	219.010.945.308
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		230.178.492.102	165.320.681.009
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		161.195.454.316	120.092.775.325
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		68.983.037.786	45.227.905.684
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		831.939.781.230	832.869.658.962

Ngày 5 tháng 8 năm 2019

Người lập:



Trương Thị Mỹ Hồng
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Lê Đăng Khoa
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	514.621.559.639	472.358.657.359
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	411.640.358.348	390.528.042.438
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		102.981.201.291	81.830.614.921
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	3.256.663.998	4.735.199.909
Chi phí tài chính	22	27	3.322.542.662	4.312.843.472
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		3.412.479.862	3.660.073.472
Phần lãi trong công ty liên kết	24	13	1.541.875.429	4.288.694.743
Chi phí bán hàng	25		54.643.900	216.603.155
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	12.725.022.930	12.908.504.586
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		91.677.531.226	73.416.558.360
Thu nhập khác	31		180.325.511	513.840.561
Chi phí khác	32		9.699.827	442.627.132
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		170.625.684	71.213.429
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		91.848.156.910	73.487.771.789
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	9.931.007.653	7.247.697.369
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	30	-	-
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN/Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (60 = 50 - 51 - 52)	60		81.917.149.257	66.240.074.420
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	4.503	4.568

Ngày 5 tháng 8 năm 2019

Người lập:

(Chữ ký)
 Trương Thị Mỹ Hồng
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:

(Chữ ký)
 Lê Đăng Khoa
 Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2019 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		91.848.156.910	73.487.771.789
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		34.043.392.466	33.590.023.549
Các khoản dự phòng	03		(93.157.270)	2.637.415.774
Lãi tiền gửi	05		(797.314.898)	(5.682.409)
Thu nhập từ cổ tức	05		(2.459.349.100)	(4.729.517.500)
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05		-	(376.269.459)
Lãi trong công ty liên kết	05		(1.541.875.429)	(4.288.694.743)
Chi phí lãi vay	06		3.412.479.862	3.660.073.472
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		124.412.332.541	103.975.120.473
Biến động các khoản phải thu	09		21.549.358.794	(22.540.499.685)
Biến động hàng tồn kho	10		11.122.262.425	(16.975.107.033)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(5.975.579.975)	15.486.201.880
Biến động chi phí trả trước	12		(825.172.215)	2.906.525.600
			150.283.201.570	82.852.241.235
Tiền lãi vay đã trả	14		(3.458.033.167)	(3.658.507.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(9.703.499.930)	(8.033.241.370)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(15.216.219.146)	(17.004.787.557)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		121.905.449.327	54.155.705.308
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(5.252.522.798)	(11.512.727.028)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		-	585.590.908
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		3.077.213.314	7.137.599.909
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.175.309.484)	(3.789.536.211)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2019 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

		Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
Mã	Thuyết	30/6/2019	30/6/2018
số	minh	VND	VND

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền thu từ đi vay	33	324.783.247.228	347.393.515.041
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(358.159.530.598)	(350.584.659.440)
Tiền chi trả cổ tức	36	(29.064.980.000)	(28.666.480.000)
<hr/>			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(62.441.263.370)	(31.857.624.399)
<hr/>			
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	57.288.876.473	18.508.544.698
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	23.671.505.612	728.368.152
<hr/>			
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	80.960.382.085	19.236.912.850

Ngày 5 tháng 8 năm 2019

Người lập:

Trương Thị Mỹ Hồng
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Lê Đăng Khoa
 Giám đốc

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 10 tháng 8 năm 2010, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, theo Thông báo số 694/TB-SGDHN ngày 3 tháng 8 năm 2010 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là “WSB”.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 bao gồm Công ty và công ty con (được gọi chung là “Nhóm Công ty”) và phần lợi ích của Nhóm Công ty trong công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Nhóm Công ty là sản xuất bia và mạch nha, kinh doanh các sản phẩm bia, cốm, nước giải khát, nước tinh khiết đóng chai; sản xuất đồ uống không cồn; kinh doanh chế biến nông sản để làm nguyên liệu sản xuất bia, cốm, nước giải khát và xuất khẩu; kinh doanh văn phòng và kho bãi.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Nhóm Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty có 1 công ty con sở hữu trực tiếp và 1 công ty liên kết (1/1/2019: 1 công ty con sở hữu trực tiếp và 1 công ty liên kết), với thông tin chi tiết như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động chính	% sở hữu và quyền biểu quyết	
			30/6/2019	1/1/2019
Công ty con sở hữu trực tiếp Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Sóc Trăng	Huyện Châu Thành, Tỉnh Sóc Trăng	Sản xuất, kinh doanh bia, cồn và nước giải khát	100%	100%
Công ty liên kết Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	Thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu	Sản xuất, kinh doanh bia, cồn và nước giải khát	20%	20%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Nhóm Công ty có 216 nhân viên (1/1/2019: 222 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán được áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Nhóm Công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Nhóm Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể với công ty liên kết. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Nhóm Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Nhóm Công ty trong công ty liên kết đó, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Nhóm Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ Nhóm Công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Nhóm Công ty tại công ty liên kết.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Nhóm Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 38 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ thiết bị quản lý	2 – 10 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, két sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Nhóm Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Nhóm Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Nhóm Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Nhóm Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu theo mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Nhóm Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(s) Lãi trên cổ phiếu

Nhóm Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Nhóm Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiền năng. Do vậy quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(t) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay gây ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Nhóm Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác là cung cấp dịch vụ cho thuê kho bãi. Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng lĩnh vực hoạt động này thường không bị ảnh hưởng trọng yếu bởi tính thời vụ.

5. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Nhóm Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác là cung cấp dịch vụ cho thuê kho bãi. Trong kỳ, hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Nhóm Công ty. Theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và ngày 1 tháng 1 năm 2019 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho các giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 và ngày 30 tháng 6 năm 2018 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Nhóm Công ty.

Về mặt địa lý, Nhóm công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Tiền mặt	67.556.844	141.112.898
Tiền gửi ngân hàng	242.825.241	7.730.392.714
Các khoản tương đương tiền	80.650.000.000	15.800.000.000
	80.960.382.085	23.671.505.612

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi và hưởng lãi suất 5,5% một năm (1/1/2019: 5,5% một năm).

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn	16.416.861.384	35.194.114.474
Các khách hàng khác	790.325.300	3.771.200.000
	17.207.186.684	38.965.314.474

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn	16.416.861.384	35.194.114.474
Bên liên quan khác		
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	-	3.731.200.000

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ và bên liên quan khác không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Phải thu về cổ tức được chia	3.603.600.000	-
Phải thu lãi tiền gửi	179.450.684	-
Tạm ứng cho nhân viên	165.623.000	182.500.000
Phải thu khác	46.140.933	12.582.508
	<hr/>	
	3.994.814.617	195.082.508
	<hr/>	

9. Hàng tồn kho

	30/6/2019		1/1/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên vật liệu	19.082.468.179	-	26.383.252.975	-
Công cụ và dụng cụ	8.225.253.322	-	8.504.853.447	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	24.064.589.148	-	22.742.446.308	-
Thành phẩm	10.878.522.382	-	15.705.324.261	-
Hàng hóa	-	-	37.218.465	-
			<hr/>	
	62.250.833.031	-	73.373.095.456	-
			<hr/>	

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	182.563.801.358	756.084.521.575	14.063.408.768	16.497.671.272	969.209.402.973
Tăng trong kỳ	-	240.160.000	-	83.000.000	323.160.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	1.491.067.273	1.009.090.909	-	-	2.500.158.182
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(12.588.185.818)	-	-	-	(12.588.185.818)
Số dư cuối kỳ	171.466.682.813	757.333.772.484	14.063.408.768	16.580.671.272	959.444.535.337
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	50.399.370.238	285.222.458.470	7.702.202.043	8.804.103.272	352.128.134.023
Khấu hao trong kỳ	4.718.429.879	27.820.501.545	725.941.476	778.519.566	34.043.392.466
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(5.992.210.456)	-	-	-	(5.992.210.456)
Số dư cuối kỳ	49.125.589.661	313.042.960.015	8.428.143.519	9.582.622.838	380.179.316.033
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	132.164.431.120	470.862.063.105	6.361.206.725	7.693.568.000	617.081.268.950
Số dư cuối kỳ	122.341.093.152	444.290.812.469	5.635.265.249	6.998.048.434	579.265.219.304

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 46.987 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (1/1/2019: 46.226 triệu VND) nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 233.709 triệu VND (1/1/2019: 247.362 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh 18).

11. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND
Nguyên giá	
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình và số dư cuối kỳ	12.588.185.818
Giá trị hao mòn lũy kế	
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình và số dư cuối kỳ	5.992.210.456
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	-
Số dư cuối kỳ	6.595.975.362

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	-	340.404.773
Tăng trong kỳ	5.536.663.952	505.944.961
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(2.500.158.182)	(773.417.016)
Số dư cuối kỳ	3.036.505.770	72.932.718

Số dư xây dựng cơ bản dở dang lớn tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 phản ánh máy nén khí đang trong quá trình lắp đặt.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2019			1/1/2019				
	Số lượng cổ phiếu % sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng cổ phiếu % sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào: Công ty liên kết								
• Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu	2.402.400	37.426.999.528	-	(*)	2.402.400	20%	39.488.724.099	- (*)
Đơn vị khác								
• Công ty Cổ phần Bia – Nước Giải Khát Sài Gòn – Tây Đô	1.891.807	13.980.715.400	-	(*)	1.891.807	9,46%	13.980.715.400	- (*)
• Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại DIC	145.060	2.155.186.800	(759.709.600)	(*)	145.060	1,28%	2.155.186.800	(849.646.800) (*)
		53.562.901.728	(759.709.600)				55.624.626.299	(849.646.800)

(*) Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động của đầu tư vào công ty liên kết trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	39.488.724.099	40.079.195.904
Phần lãi trong công ty liên kết	1.541.875.429	4.288.694.743
Cổ tức được chia	(3.603.600.000)	(2.402.400.000)
Số dư cuối kỳ	37.426.999.528	41.965.490.647

Thông tin trích lược từ bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu tại ngày báo cáo như sau:

	Tổng tài sản	Tổng nợ phải trả	Tổng vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận thuần sau thuế
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	348.711.898.168	161.576.900.529	187.134.997.639	5.894.300.873
Tại ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	406.738.202.468	196.910.749.233	209.827.453.235	26.040.781.358

Biến động của dự phòng đầu tư tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	849.646.800	341.936.800
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng trong kỳ	(89.937.200)	652.770.000
Số dư cuối kỳ	759.709.600	994.706.800

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Tiền thuê đất trả trước VND	Bao bì luân chuyển VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	12.560.919.256	2.612.845.211	3.600.847.329	1.475.717.831	20.250.329.627
Tăng trong kỳ	-	1.323.000.000	2.641.019.455	-	3.964.019.455
Phân bổ trong kỳ	(211.337.514)	(1.056.960.334)	(1.458.914.132)	(455.965.899)	(3.183.177.879)
Số dư cuối kỳ	12.349.581.742	2.878.884.877	4.782.952.652	1.019.751.932	21.031.171.203

15. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ 30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn	9.373.439.459	7.650.748.615
Công ty Cổ phần Năng lượng Xanh Sóc Trăng	1.096.653.486	1.153.798.070
Các nhà cung cấp khác	7.719.848.645	14.949.287.435
	18.189.941.590	23.753.834.120

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ 30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn	9.373.439.459	7.650.748.615
Bên liên quan khác		
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sa Be Co	43.682.724	2.153.022.724

Khoản phải trả thương mại cho công ty mẹ và bên liên quan khác không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2019 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp/cán trừ trong kỳ VND	30/6/2019 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	78.734.646.338	451.835.558.217	(451.947.218.887)	78.622.985.668
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.622.894.365	9.931.007.653	(9.703.499.930)	5.850.402.088
Thuế giá trị gia tăng	11.745.269.477	96.352.170.433	(96.484.516.446)	11.612.923.464
Thuế xuất nhập khẩu	-	10.471.007	(10.471.007)	-
Thuế thu nhập cá nhân	563.215.769	1.567.373.485	(1.909.944.945)	220.644.309
Thuế nhà đất	-	135.462.795	(135.462.795)	-
Các loại thuế khác	-	6.088.000	(6.088.000)	-
	96.666.025.949	559.838.131.590	(560.197.202.010)	96.306.955.529

17. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Cổ tức phải trả	4.911.993.808	33.976.973.808
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	400.550.000	517.118.200
Chi phí khác	3.973.859.971	310.789.846
	9.286.403.779	34.804.881.854

18. Vay ngắn hạn

	1/1/2019 Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong kỳ Tăng VND	Giảm VND	30/6/2019 Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	108.982.967.784	324.783.247.228	(358.159.530.598)	75.606.684.414

Vay ngắn hạn thể hiện khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam “Vietinbank” – Chi nhánh 4, TP. Hồ Chí Minh với hạn mức tín dụng là 200.000 triệu VND. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi bằng lãi suất cơ sở của Vietinbank cộng biên độ 3,5%/năm và được điều chỉnh mỗi tháng. Khoản vay được dùng để bổ sung vốn lưu động cho Nhóm Công ty và được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình hình thành từ dự án Nhà máy Bia Sài Gòn Sóc Trăng của Nhóm Công ty, có giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 là 233.709 triệu VND (1/1/2019: 247.362 triệu VND) (Thuyết minh 10). Thời hạn cho vay của từng khoản vay tối đa là 6 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đó.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Số dư đầu kỳ	17.123.617.826	20.190.735.998
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 21)	4.125.226.693	-
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 21)	12.503.108.622	4.297.961
Sử dụng trong kỳ	(14.884.489.766)	(15.617.287.557)
Chuyển sang quỹ công tác xã hội	(3.411.186.410)	-
Số dư cuối kỳ	15.456.276.965	4.577.746.402

20. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng phải trả dài hạn phản ánh dự phòng trợ cấp thôi việc. Biến động trong kỳ của dự phòng trợ cấp thôi việc như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Số dư đầu kỳ	6.943.129.071	3.738.448.625
(Hoàn nhập)/trích lập trong kỳ	(3.220.070)	1.984.645.774
Sử dụng trong kỳ	(331.729.380)	(1.387.500.000)
Số dư cuối kỳ	6.608.179.621	4.335.594.399

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	145.000.000.000	211.772.122.017	185.335.896.577	542.108.018.594
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	66.240.074.420	66.240.074.420
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	7.238.823.291	(7.238.823.291)	-
Cổ tức	-	-	(58.000.000.000)	(58.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	(4.297.961)	(4.297.961)
Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2018	145.000.000.000	219.010.945.308	186.332.849.745	550.343.795.053
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	51.260.848.914	51.260.848.914
Cổ tức	-	-	(58.000.000.000)	(58.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(14.273.017.650)	(14.273.017.650)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	145.000.000.000	219.010.945.308	165.320.681.009	529.331.626.317
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	81.917.149.257	81.917.149.257
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	(4.125.226.693)	(4.125.226.693)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	(12.503.108.622)	(12.503.108.622)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(431.002.849)	(431.002.849)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2019	145.000.000.000	219.010.945.308	230.178.492.102	594.189.437.410

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2019 và 1/1/2019	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	14.500.000	145.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	14.500.000	145.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Đối với cổ phiếu đã được Công ty mua lại, các quyền trên đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 và ngày 30 tháng 6 năm 2018.

23. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.299.896.984	1.196.362.675
Từ hai đến năm năm	5.412.868.108	4.785.450.701
Sau năm năm	38.695.327.780	26.185.683.661
	45.408.092.872	32.167.497.037

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Nhóm Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2019 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	1.916.508.306
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	2.733.494.230
	4.650.002.536

(c) Tài sản nhận giữ hộ bên thứ ba

	Đơn vị	30/6/2019	1/1/2019
Chai rỗng	Chai	1.298.004	996.833
Két	Két	69.631	52.779
		4.650.002.536	

24. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	508.995.795.063	467.730.867.354
<i>Doanh thu bán thành phẩm đã bao gồm</i>		
<i>thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	960.831.275.760	880.979.867.800
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	(451.835.480.697)	(413.249.000.446)
▪ Cung cấp dịch vụ	891.582.365	835.363.638
▪ Doanh thu khác	4.734.182.211	3.792.426.367
	514.621.559.639	472.358.657.359

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Tổng giá vốn		
▪ Giá vốn thành phẩm đã bán	410.594.502.747	389.426.152.815
▪ Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	677.031.063	670.015.458
▪ Giá vốn khác	368.824.538	431.874.165
	<hr/>	<hr/>
	411.640.358.348	390.528.042.438

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Cổ tức được chia	2.459.349.100	4.729.517.500
Lãi tiền gửi	797.314.898	5.682.409
	<hr/>	<hr/>
	3.256.663.998	4.735.199.909

27. Chi phí tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Chi phí lãi vay	3.412.479.862	3.660.073.472
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(89.937.200)	652.770.000
	<hr/>	<hr/>
	3.322.542.662	4.312.843.472

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí nhân viên	7.087.152.237	6.785.011.604
Chi phí nguyên vật liệu	146.401.363	262.358.295
Chi phí khấu hao	685.042.433	556.184.314
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.087.993.159	962.223.594
Chi phí quản lý khác	3.718.433.738	4.342.726.779
	12.725.022.930	12.908.504.586

29. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	323.250.826.096	298.177.005.682
Chi phí nhân công và nhân viên	30.012.823.663	31.113.516.116
Chi phí khấu hao và phân bổ	34.043.392.466	33.590.023.549
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.348.695.193	28.323.607.038
Chi phí khác	10.764.287.760	12.448.997.794

30. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Kỳ hiện hành	9.924.017.882	7.247.697.369
Dự phòng thiếu trong những năm trước	6.989.771	-
	9.931.007.653	7.247.697.369

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	91.848.156.910	73.487.771.789
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	18.369.631.382	14.697.554.358
Chi phí không được khấu trừ thuế	165.568.104	67.576.000
Thu nhập không bị tính thuế	(491.869.820)	(945.903.500)
Ưu đãi thuế	(2.597.419.460)	(1.904.596.847)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với công ty con	(5.503.334.530)	(4.666.932.642)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	6.989.771	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	(18.557.794)	-
	9.931.007.653	7.247.697.369

(c) Thuế suất áp dụng

(i) Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Tây (“Công ty”)

Theo các điều khoản trong luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

(ii) Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn – Sóc Trăng (“Công ty con”)

Theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 59221000029 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 3 tháng 4 năm 2012, Công ty con được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm kể từ khi đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh (năm 2014) và được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2014 đến năm 2017) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2018 đến năm 2026).

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

31. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	81.917.149.257	66.240.074.420
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(16.628.335.315)	(4.297.961)
	<hr/>	<hr/>
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	65.288.813.942	66.235.776.459

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho các giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 và ngày 30 tháng 6 năm 2018. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai kỳ báo cáo là 14.500.000 cổ phiếu.

32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, trong kỳ Nhóm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn		
Bán hàng (bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	960.349.877.760	879.916.217.800
Mua nguyên vật liệu	264.110.161.245	256.480.456.550
Cổ tức	-	29.580.000.000
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu		
Cổ tức được chia	3.603.600.000	2.402.400.000
Bán hàng	-	8.712.000
Mua hàng hóa	-	437.671.387

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Bia – Nước Giải Khát Sài Gòn – Tây Đô		
Cổ tức	2.459.349.100	-
Mượn công cụ, dụng cụ	15.436.000	-
Mua hàng hóa	8.181.820	25.749.545
Công ty Cổ phần Kinh doanh Lương thực Thực phẩm Trường Sa		
Mua hàng hóa	-	5.127.942.100
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn		
Mua hàng hóa	762.399.000	3.392.000.000
Chi phí sử dụng vỏ chai	1.372.796.154	2.231.550.071
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sa be co		
Mua hàng hóa	1.048.900.000	-
Công ty Cổ Phần Thương Mại Bia Sài Gòn Sông Hậu		
Mua hàng hóa	291.739.500	157.195.570
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn – Vĩnh Long		
Bán hàng	-	21.780.000
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn – Kiên Giang		
Bán hàng	50.904.000	-
Mua hàng hóa	-	17.262.000
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung		
Bán hàng	23.645.806	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Đông		
Mua hàng hóa	17.550.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền		
Mua hàng hóa	3.927.400	-
Nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương và các quyền lợi gộp khác	6.774.596.678	4.298.489.721

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

33. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Nhóm Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018. Số liệu so sánh của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty tại ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Ngày 5 tháng 8 năm 2019

Người lập:

Trương Thị Mỹ Hồng
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Lê Đăng Khoa
Giám đốc